

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

ĐINH THỊ HƯƠNG GIANG

MỐI QUAN HỆ GIỮA DI SẢN VĂN HÓA
VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY
(NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP KHU PHỐ CỔ HÀ NỘI,
THÀNH PHỐ HÀ NỘI VÀ KHU PHỐ CỔ HỘI AN,
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG)

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: VĂN HÓA HỌC

MÃ SỐ: 9229040

HÀ NỘI - 2026

**Luận án được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. Nguyễn Duy Bắc



Phản biện 1: PGS. TS. Nguyễn Thị Thu Phương

Phản biện 2: PGS. TS. Lâm Minh Châu

Phản biện 3: PGS. TS. Vũ Thị Phương Hậu

**Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện
hợp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Vào hồi 14 giờ 00 ngày 08 tháng 03 năm 2026

**Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Hệ thống di sản văn hóa (DSVH) của dân tộc Việt Nam vô cùng phong phú, đa dạng, độc đáo, không chỉ kết tinh các trầm tích văn hóa, hàm chứa những giá trị cao về lịch sử, khoa học, giáo dục..., mà còn có thể được “vốn hóa” thành “đầu vào” của quá trình sản xuất, trở thành nguồn lực để phát triển các ngành công nghiệp văn hóa (CNVH) với những sản phẩm đa dạng, đặc sắc, có giá trị kinh tế cao, đóng góp ngày càng lớn vào GDP của đất nước.

Tuy nhiên, thực tiễn thời gian qua cho thấy, ở một số địa phương, công tác quy hoạch tổng thể khu vực có di sản còn hạn chế, một số DSVH bị xuống cấp nghiêm trọng, bị xâm hại, biến dạng, phai nhạt bản sắc; mối quan hệ giữa DSVH và phát triển kinh tế - xã hội (KT - XH) chưa được xử lý hài hòa, dẫn đến việc bảo tồn và phát huy giá trị các DSVH chưa đạt hiệu quả cao, lợi ích của người dân - chủ thể của di sản chưa được bảo đảm. Do vậy, vấn đề giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH là một trong những yêu cầu cấp thiết được đặt ra hiện nay.

Thủ đô Hà Nội là trung tâm văn hóa lớn của cả nước, nơi hội tụ và kết tinh những DSVH phong phú, đặc sắc được bồi đắp qua hàng nghìn năm lịch sử, trong đó tập trung nhiều ở khu phố cổ Hà Nội (với mật độ DSVH cao nhất thành phố). Đó là nguồn tài nguyên giàu giá trị, là nguồn lực “đặc hữu” để thành phố có thể khai thác và phát huy trong phát triển các ngành CNVH, tạo động lực thúc đẩy phát triển KT - XH, hướng tới xây dựng Hoàn Kiếm thành trung tâm sáng tạo nghệ thuật của Thủ đô và cả nước. Khu phố cổ Hội An (thành phố Đà Nẵng) là một điểm đến di sản hấp dẫn với khách du lịch trong nước và quốc tế; đồng thời là một trong những mô hình tiêu biểu của cả nước trong bảo tồn “vốn văn hóa” ở quần thể kiến trúc cổ đặc sắc, cùng hệ thống làng nghề thủ công, lễ hội, nghệ thuật dân gian, tri thức dân gian..., từ đó phát huy trong xây dựng các tour, tuyến tham quan, trải nghiệm thú vị. Song thực tế triển khai các hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị DSVH ở hai địa phương này thời gian qua còn một số hạn chế trong bối cảnh chịu tác động của quá trình đô thị hóa, hội nhập quốc tế, cùng nhiều thách thức an ninh phi truyền thống, đã và đang đặt ra yêu cầu cấp thiết cần xử lý để bảo đảm hài hòa mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH, hướng tới mục tiêu vừa bảo tồn vừa phát huy hiệu quả giá trị DSVH trong đời sống đương đại tại khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An.

Ở nước ta, đã có những nghiên cứu nhấn mạnh vai trò của DSVH và hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị các DSVH, chỉ ra hướng gắn kết DSVH với phát triển du lịch và một số ngành CNVH với những kiến giải khác nhau; làm rõ mối quan hệ chung mang tính khái quát giữa văn hóa và kinh tế, đề cập đến vai trò của nguồn lực văn hóa, trong đó có các DSVH... Trên cơ sở kế thừa các thành tựu

nguyên cứu đã có, xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, nghiên cứu sinh (NCS) đã lựa chọn đề tài **“Mối quan hệ giữa di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam hiện nay (Nghiên cứu trường hợp khu phố cổ Hà Nội, thành phố Hà Nội và khu phố cổ Hội An, thành phố Đà Nẵng)”** là vấn đề nghiên cứu cho luận án tiến sĩ chuyên ngành Văn hóa học với mong muốn khái quát hệ thống cơ sở lý luận, phân tích thực trạng mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An; đồng thời so sánh, bàn luận một số nội dung có liên quan nhằm bảo đảm hài hòa mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH, góp phần phát huy hiệu quả các giá trị DSVH, bảo đảm lợi ích thiết thực, chính đáng của người dân địa phương, thúc đẩy sự phát triển bền vững.

2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án tập trung nghiên cứu, làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH qua nghiên cứu trường hợp khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An, từ đó bàn luận một số vấn đề liên quan nhằm xử lý hài hòa mối quan hệ trên, góp phần nâng cao hiệu quả bảo tồn, phát huy giá trị DSVH, thúc đẩy sự phát triển bền vững KT - XH tại hai địa bàn nghiên cứu và trên cả nước.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận án tiến hành tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến vấn đề DSVH, bảo tồn, phát huy giá trị DSVH, mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH; làm rõ hơn những vấn đề lý luận về DSVH, bảo tồn, phát huy giá trị DSVH, mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH; khảo sát thực trạng mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An hiện nay; bàn luận những vấn đề liên quan tới vấn đề nghiên cứu được đặt ra trong bối cảnh mới hiện nay; từ đó góp phần xử lý hài hòa mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở hai địa bàn nghiên cứu và trên cả nước.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu của luận án là mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở Việt Nam hiện nay qua hai trường hợp là khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi vấn đề: Luận án lựa chọn khách thể nghiên cứu là hệ thống các DSVH, các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị DSVH, các hoạt động phát triển KT - XH của người dân ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An. Đây là các vấn đề và hoạt động có sự gắn kết, tác động qua lại với nhau (tích cực hoặc tiêu cực), tạo nên tính thuận chiều hoặc nghịch chiều trong mối quan hệ biện chứng giữa DSVH và phát triển KT - XH tại hai địa bàn nghiên cứu.

Phạm vi không gian: Tập trung khảo sát, đánh giá thực trạng mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH tại khu phố cổ Hà Nội thuộc phường Hoàn Kiếm,

thành phố Hà Nội (trước ngày 01-7-2025 thuộc quận Hoàn Kiếm cũ) và khu phố cổ Hội An thuộc phường Hội An, thành phố Đà Nẵng (trước ngày 01-7-2025 thuộc thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam cũ).

Phạm vi thời gian: Luận án khảo sát từ năm 2019 đến năm 2024 và có cái nhìn tổng thể vấn đề trong 10 năm (2014-2024) với những đổi thay về KT - XH của cả nước, nhiều yếu tố tác động tới các hoạt động liên quan tới DSVH tại nhiều địa phương trên cả nước, trong đó có hai địa bàn nghiên cứu.

4. Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu

Câu hỏi 1: Mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An là mối quan hệ một chiều hay đa chiều, biện chứng; là mối quan hệ thuận chiều hay nghịch chiều? *Giả thiết 1:* Mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An là mối quan hệ biện chứng, vừa thuận chiều vừa nghịch chiều do nhiều yếu tố.

Câu hỏi 2: Nhận diện thực trạng mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An như thế nào, mối quan hệ này tại hai địa bàn nghiên cứu có những điểm tương đồng và khác biệt nào và vì sao? *Giả thiết 2:* Thực trạng mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An được thể hiện thông qua thực tiễn tác động đa chiều giữa DSVH và phát triển KT - XH (tích cực và tiêu cực); mối quan hệ này có một số điểm tương đồng và khác biệt; điều này được lý giải bởi nguyên nhân từ những đặc trưng văn hóa, cơ chế quản lý và bảo tồn DSVH, sự tương tác giữa DSVH và người dân, chiến lược gắn kết DSVH với phát triển KT - XH tại hai địa bàn nghiên cứu.

Câu hỏi 3: Bối cảnh mới hiện nay có những vấn đề gì đang đặt ra và tác động tới mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở hai địa bàn nghiên cứu; làm thế nào để giải quyết các vấn đề đó? *Giả thiết 3:* Mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An hiện nay đang chịu tác động bởi nhiều yếu tố của bối cảnh mới, như quá trình hội nhập quốc tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số, tổ chức chính quyền địa phương hai cấp... đòi hỏi cần có sự phối hợp đồng bộ, toàn diện giữa bộ ba “Nhà nước - thị trường - xã hội” với những giải pháp hiệu quả để xử lý hài hòa mối quan hệ trên tại hai địa bàn nghiên cứu.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Cơ sở phương pháp luận của luận án là phương pháp luận duy vật, biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về văn hóa, DSVH và phát triển KT - XH, cùng các văn bản có liên quan để khảo sát, phân tích, đánh giá về vấn đề nghiên cứu.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu của chuyên ngành văn hóa học và cách tiếp cận liên ngành liên quan, như phương pháp phân tích và tổng hợp; phương pháp điều tra xã hội học; phương pháp thống kê, so sánh, đối chiếu.

6. Đóng góp mới của luận án

6.1. Đóng góp về lý luận

Luận án làm rõ thêm mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH; củng cố một số phương pháp nghiên cứu về DSVH, hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị DSVH đặt trong mối liên hệ với các hoạt động khác của con người (như các sinh hoạt hằng ngày, sinh hoạt văn hóa, hoạt động kinh tế...), từ đó chỉ ra một số vấn đề cần quan tâm và đề xuất giải pháp nhằm xử lý hài hòa mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH.

6.2. Đóng góp về thực tiễn

Luận án góp phần nhận diện thực trạng mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An cùng những vấn đề đặt ra; định hướng, đề xuất một số giải pháp để giải quyết các mâu thuẫn trong quá trình phát triển của địa phương. Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần làm phong phú thêm nguồn tư liệu về DSVH, làm rõ hơn mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở hai địa bàn nghiên cứu; là nguồn tư liệu tham khảo cho việc học tập, nghiên cứu về DSVH, các ngành CNVH; cho việc hoạch định và tuyên truyền chính sách về văn hóa và phát triển; qua đó góp phần nâng cao nhận thức của xã hội về vai trò của DSVH cũng như yêu cầu bảo đảm hài hòa mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung của luận án gồm 3 chương.

Chương 1:

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ LUẬN, KHÁI QUÁT VỀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1.1. Nghiên cứu về di sản văn hóa, mối quan hệ giữa di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội

1.1.1.1. Về di sản văn hóa, bảo tồn và phát huy giá trị của di sản văn hóa

Cho đến nay, trên thế giới và ở Việt Nam đã có nhiều nghiên cứu về DSVH, chỉ ra các định nghĩa và vai trò của DSVH, tiêu biểu là các định nghĩa của UNESCO hoặc các tác giả như Jukka Jokilehto, Lưu Trần Tiêu, Lê Hồng Lý, Đặng Văn Bài, Từ Thị Loan, Lê Quý Đức, Nguyễn Thị Phương Châm, Hoàng Cầm... Ngoài ra còn có khái niệm “di sản hóa” với các nghiên cứu của tác giả

Robert Hewison, Tunbridge, Harrison, Oscar Salemink... Nhiều nghiên cứu khoa học về bảo tồn, phát huy giá trị DSVH trên thế giới và Việt Nam đã chỉ ra các quan điểm, khuynh hướng thường gặp trong thực tế bảo tồn DSVH; tạo cơ sở cung cấp cho các nhà quản lý, thực hành DSVH ở các điểm di sản tại nhiều quốc gia trên thế giới có được khung tham chiếu, nguyên tắc và công cụ để điều chỉnh áp dụng.

1.1.1.2. Về mối quan hệ giữa di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội

Nhiều nhà khoa học trên thế giới và trong nước chỉ ra một cách trực tiếp cũng như gián tiếp về tính đa giá trị, vai trò, tác động qua lại giữa DSVH và phát triển KT - XH của các cộng đồng, dân tộc, quốc gia. Qua đó, mối quan hệ đa chiều, biện chứng, lúc thuận chiều, khi nghịch chiều giữa DSVH và phát triển KT - XH được thể hiện rõ nét. Các nghiên cứu chỉ ra DSVH là một phần của vốn văn hóa, vốn xã hội (Pierre Bourdieu, Trần Hữu Dũng, Trần Đình Hượu, Trần Thị An...), là nguồn tài nguyên “đầu vào” của quá trình sản xuất ra các sản phẩm CNVH. Nhiều công trình cũng làm rõ chức năng kinh tế của văn hóa, cho thấy các giá trị nghệ thuật, chính sách văn hóa cũng tác động mạnh mẽ đến yếu tố kinh tế, góp phần thúc đẩy hay cản trở kinh tế tăng trưởng. Một số công trình khoa học đã phân tích những tác động của nguồn lực DSVH khi tham gia vào kinh tế di sản (David Throsby, Hà Hữu Nga...); hoặc phân tích những tác động hai chiều của hoạt động kinh tế mà trước hết là du lịch tới DSVH, như du lịch tạo ra nhiều cơ hội việc làm; tạo ra lợi ích cho doanh nghiệp, người dân; tăng nguồn thu ngân sách; đầu tư cải thiện kết cấu hạ tầng; tái đầu tư vào việc tìm kiếm, lưu trữ, bảo tồn DSVH; song cũng có những tác động tiêu cực như xâm hại di sản, làm phai nhạt bản sắc văn hóa, ô nhiễm môi trường... nếu không có biện pháp quản lý hiệu quả.

1.1.2. Nghiên cứu về di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội ở khu phố cổ Hà Nội, khu phố cổ Hội An

1.1.2.1. Về di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội ở khu phố cổ Hà Nội

Các nghiên cứu về DSVH với vai trò là một nguồn lực văn hóa quan trọng của Thủ đô Hà Nội khá phong phú, bao quát các đặc điểm, giá trị của hệ thống DSVH đa dạng và đặc sắc, bao gồm các kiến trúc, di tích lịch sử - văn hóa, phong tục, tập quán, tín ngưỡng, lễ hội, trò chơi dân gian, kho tàng ca dao, tục ngữ, nghề thủ công...; tiêu biểu như các công trình của Đinh Gia Khánh, Nguyễn Chí Bền, Nguyễn Vinh Phúc, Phùng Hữu Phú, Tống Trung Tín, Bùi Minh Trí,... Về cơ bản, các nhà nghiên cứu đều nhấn mạnh những giá trị của DSVH Hà Nội, khẳng định cần phát huy hiệu quả các nguồn lực trong phát triển KT - XH Thủ đô mà nguồn lực quan trọng bậc nhất và cũng là lợi thế hàng đầu chính là nguồn lực văn hóa, trong đó có DSVH.

1.1.2.2. Về di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội ở khu phố cổ Hội An

Hiện nay, nghiên cứu về phố cổ Hội An có một số công trình khoa học, hội thảo, luận án tiến sĩ... của các tác giả tiêu biểu như Trần Ánh, Nguyễn Hữu Minh, Hồ Xuân Tịnh, Nguyễn Phước Tương, Đỗ Thị Ngọc Uyên, các văn bản của UNESCO... Các tài liệu trên đã mang đến cho người đọc cái nhìn tương đối đầy đủ về lịch sử Hội An - cảng thị sầm uất thời chúa Nguyễn cho đến khi được công nhận là DSVH thế giới (năm 1999) với những đặc trưng và giá trị văn hóa, lịch sử; đánh giá những ưu điểm, hạn chế trong công tác quản lý, bảo tồn và khai thác DSVH để phát triển du lịch;... từ đó nhấn mạnh cần chú trọng công tác quy hoạch di sản, xây dựng chiến lược phát triển, tăng cường sự hợp tác của các bên có liên quan trong các hoạch định và thực thi chính sách có liên quan tới sự gắn kết giữa DSVH và phát triển KT - XH ở Hội An.

1.1.3. Nhận xét về tình hình nghiên cứu và những vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu trong luận án

Các nghiên cứu công bố trước đây đã bước đầu xem xét, phân tích mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH, song chủ yếu là tập trung làm rõ các vấn đề như: mối liên hệ hữu cơ giữa du lịch và DSVH, tác động tích cực và tiêu cực của du lịch lên cộng đồng, di sản, môi trường; tiềm năng DSVH trong phát triển du lịch cùng một số ngành CNVH...

Về khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An, các công trình đã nghiên cứu chủ yếu làm nổi bật giá trị văn hóa, lịch sử, khoa học, địa lý, kiến trúc, nghệ thuật của di sản phố cổ cũng như vấn đề khai thác giá trị DSVH phục vụ phát triển du lịch, cùng hướng giải pháp để bảo tồn, phát huy giá trị DSVH. Tuy nhiên, hiện nay, Việt Nam chưa có công trình nào nghiên cứu trực tiếp và hệ thống về mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH tại hai địa bàn trên. Vì thế, đây là một khoảng trống đặt ra vấn đề cần nghiên cứu.

Với mong muốn lấp dần những khoảng trống trong nghiên cứu về mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An, NCS tập trung nghiên cứu những vấn đề sau đây trong luận án:

+ Làm rõ một số hơn vấn đề lý luận về DSVH, phát triển KT - XH, mối quan hệ tương tác hai chiều giữa DSVH và phát triển KT - XH.

+ Khảo sát, trình bày, phân tích, đánh giá thực trạng mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH tại hai địa bàn nghiên cứu; so sánh những nét tương đồng và khác biệt.

+ Bàn luận một số vấn đề có liên quan, khuyến nghị một số giải pháp để xử lý hài hòa mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH tại hai địa bàn trên.

1.2. Cơ sở lý luận

1.2.1. Một số khái niệm cơ bản

1.2.1.1. Khái niệm di sản văn hóa

Hiện nay, các định nghĩa của UNESCO về DSVH được nhiều nghiên cứu học thuật và các văn kiện pháp lý mang tính quốc gia, quốc tế sử dụng phổ biến nhất, thể hiện trong *Công ước về Bảo vệ các tài sản văn hóa trong các sự kiện xung đột vũ trang* (năm 1954), *Công ước về Bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới* (năm 1972), *Công ước về Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể* (năm 2003), *Công ước bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa* (năm 2005)... Ở Việt Nam, Luật Di sản văn hóa năm 2024 khẳng định: DSVH bao gồm DSVH phi vật thể, DSVH vật thể được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác. DSVH phi vật thể là tri thức, kỹ năng, tập quán, biểu đạt văn hóa cùng đồ vật, đồ tạo tác, không gian liên quan được cộng đồng, nhóm người, cá nhân thực hành, trao truyền qua nhiều thế hệ và hình thành nên bản sắc văn hóa của họ, không ngừng được trao truyền, bảo vệ, tái tạo, sáng tạo, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học. DSVH vật thể là sản phẩm vật chất có một, một số hoặc tất cả giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ, bao gồm di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

Về khái niệm “*di sản hóa*”: Các nhà khoa học như Robert Hewison, Tunbridge, Ashworth, Harrison đều có những nghiên cứu về “*di sản hóa*”. Nhà khoa học Oscar Salemink nhận định về quá trình “*di sản hóa*” là “*gắn cho các di tích và thực hành văn hóa danh hiệu di sản*”. Các nghiên cứu về cơ bản đều nhấn mạnh hoạt động thực hành văn hóa được biến đổi trở thành DSVH thông qua các tác động của xã hội với nhiều hoạt động của các cộng đồng chủ thể.

1.2.1.2. Giá trị di sản văn hóa

Theo nhiều nghiên cứu và quan điểm của UNESCO, DSVH có nhiều giá trị, như giá trị văn hóa, giá trị kinh tế, giá trị xã hội... Tính đa giá trị này khiến cho DSVH có nhiều vai trò quan trọng đối với mỗi cộng đồng, vùng, miền, quốc gia, dân tộc như: là nguồn lực và tạo động lực thúc đẩy KT - XH phát triển, là cơ sở để sáng tạo những giá trị mới, góp phần thúc đẩy giao lưu văn hóa thế giới...

1.2.1.3. Về bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa

Theo Giáo trình *Văn hóa và Phát triển*, bảo tồn DSVH chính là “*cách thức, biện pháp giữ gìn để các giá trị DSVH tồn tại và phát huy trong đời sống cộng đồng*; phát huy DSVH là “*những hành động hướng đích nhằm đưa các giá trị của DSVH vào thực tiễn xã hội. Để phát huy giá trị DSVH, có thể thực hiện các hoạt động tuyên truyền, giáo dục về giá trị DSVH, từ đó bồi đắp ý thức giữ gìn và lan tỏa các giá trị DSVH qua các thế hệ; hoặc thực hiện các hoạt động kinh tế, nhất là du lịch, phát triển các ngành CNVH để khai thác DSVH trong phát triển KT - XH. Bảo tồn và phát huy giá trị DSVH là hai mặt của một quá trình, có mối quan hệ biện chứng, tương hỗ, tác động qua lại với nhau.*

Hiện nay có một số khuynh hướng bảo tồn DSVH. Tác giả Gregory J. Ashworth đã tổng kết ba quan điểm về bảo tồn DSVH là: Quan điểm bảo tồn

nguyên vẹn; Quan điểm bảo tồn kế thừa; Quan điểm bảo tồn phát triển. Ở Việt Nam, tác giả Dương Văn Sáu cho rằng có quan điểm tiếp cận về bảo tồn và phát huy giá trị DSVH là bảo tồn nguyên trạng, bảo tồn phát triển và cách tân văn hóa. Tác giả Từ Thị Loan chỉ ra những khuynh hướng ứng xử cần thay đổi trong quá trình bảo tồn di sản, đồng thời nhấn mạnh cần thay đổi tư duy bảo tồn di sản theo kiểu cũ một cách cứng nhắc như kiểu “đóng băng”, “đông lạnh”, từ đó dẫn tới tình trạng rất khó phát huy giá trị nhiều mặt của di sản, trong đó có giá trị kinh tế. Trong bối cảnh mới hiện nay với sự phát triển như vũ bão của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, một số nhà nghiên cứu cũng nhấn mạnh cần đổi mới tư duy về bảo tồn di sản, cần “làm sống lại” DSVH thông qua các cách tiếp cận mới, nhất là qua công nghệ và sáng tạo.

1.2.1.4. Về phát triển kinh tế - xã hội

Phát triển kinh tế là quá trình cải thiện và tăng trưởng mức độ phát triển của nền kinh tế ở một quốc gia hoặc khu vực, bao gồm sự phát triển của các lĩnh vực sản xuất, thương mại, tài chính, dịch vụ... Phát triển xã hội là giải quyết hiệu quả các vấn đề xã hội nảy sinh trong quá trình phát triển, nhằm tạo ra môi trường xã hội an toàn, lành mạnh, nhân văn, tạo điều kiện hòa nhập, bảo đảm công bằng và không ngừng nâng cao chất lượng sống của mỗi cá nhân cũng như của cả cộng đồng, xã hội. Ở Việt Nam, phát triển KT - XH là nói đến sự phát triển toàn diện và tổng thể của kết cấu KT - XH với sự tăng trưởng của các chỉ tiêu, lĩnh vực kinh tế chủ yếu cùng sự giải quyết hợp lý, hiệu quả các vấn đề xã hội nhằm tạo ra môi trường xã hội an toàn, lành mạnh, nhân văn, bảo đảm công bằng và chất lượng sống của mỗi cá nhân cũng như của cả cộng đồng.

1.2.2. Mối quan hệ giữa di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội

Qua nghiên cứu, có thể thấy, giữa DSVH và phát triển KT - XH có sự tác động qua lại, vừa tích cực vừa tiêu cực. Thông qua các tác động đó, mối quan hệ đa chiều, biện chứng, lúc thuận chiều (với những tác động tích cực, thúc đẩy sự phát triển), khi nghịch chiều (với những tác động tiêu cực, kìm hãm sự phát triển) giữa DSVH và phát triển KT - XH được thể hiện rõ nét.

1.2.2.1. Tác động của di sản văn hóa tới hoạt động phát triển kinh tế - xã hội

* *Tác động tích cực:* 1- DSVH là nguồn lực quan trọng góp phần thúc đẩy sự phát triển KT - XH; 2- DSVH góp phần thúc đẩy sự bảo đảm an sinh xã hội; bảo tồn và phát triển các làng nghề thủ công; gia tăng cố kết cộng đồng và nâng cao chất lượng sống của nhân dân; 3- DSVH là cơ sở để tăng cường giao lưu văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và sáng tạo những giá trị mới.

* *Tác động tiêu cực:* Một số DSVH cũng có những rào cản nhất định với sự phát triển của xã hội, tình trạng đốt vàng mã ở các lễ hội đến mức phô trương, lãng phí, gây ô nhiễm môi trường; thực trạng nhiễm môi trường sinh thái nghiêm trọng ở nhiều làng nghề, phố nghề; quy định của bảo tồn DSVH khiến người dân

không được xây dựng, cải tạo nhà cửa ở khu phố cổ, ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống... Ở một số cộng đồng dân tộc thiểu số hiện nay vẫn còn tồn tại tập quán lạc hậu trong ma chay, cưới xin, sinh đẻ..., từ đó kéo theo những hệ lụy trong xây dựng đời sống văn hóa mới.

1.2.2.2. Tác động của hoạt động phát triển kinh tế - xã hội tới di sản văn hóa

* *Tác động tích cực:* 1- hoạt động phát triển KT - XH, trong đó có các ngành CNVH dựa trên sự khai thác giá trị các DSVH tạo ra nhiều cơ sở vật chất kỹ thuật, góp phần hiệu quả trong đầu tư vào hoạt động tu bổ, tôn tạo, bảo tồn DSVH; 2- hoạt động phát triển KT - XH góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng về DSVH, giúp tăng cường quảng bá và nâng tầm DSVH; 3- hoạt động phát triển KT - XH góp phần mở rộng cơ hội giao lưu, hợp tác trong và ngoài nước trong bảo tồn, phát huy giá trị các DSVH.

* *Tác động tiêu cực:* 1- hoạt động KT - XH có khả năng xâm hại và đe dọa tính bền vững của các DSVH khi công tác quản lý yếu kém với tình trạng tăng trưởng kinh tế “nóng”, thiếu kiểm soát, bất chấp những yêu cầu bảo vệ di sản; 2- hoạt động KT - XH (nhất là du lịch) gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng tới không gian văn hóa của các điểm đến di sản, đe dọa sự phát triển bền vững; 3- các hoạt động du lịch, dịch vụ, thương mại... khai thác quá mức DSVH vì mục đích kinh tế, gây ra tình trạng các DSVH bị biến đổi, bị phai nhạt giá trị văn hóa tốt đẹp vốn có; 3- hoạt động KT - XH có thể tạo những mâu thuẫn xã hội từ sự thiếu hài hòa lợi ích và trách nhiệm giữa các chủ thể.

1.2.3. Các lý thuyết vận dụng trong luận án

1.2.3.1. Lý thuyết về vốn văn hóa

Lý thuyết về vốn văn hóa được trình bày qua các nghiên cứu của tác giả Pierre Bourdieu, Trần Hữu Dũng, Trần Đình Hượu, Trần Thị An, Phạm Hồng Tung... Về cơ bản, các nghiên cứu khẳng định nền văn hóa là tài sản của cộng đồng và chỉ trở thành vốn khi cộng đồng chung cất chúng thành các giá trị có thể được sử dụng, phát huy để mang lại lợi ích nhất định. Một cộng đồng có vốn văn hóa dồi dào có thể chuyển hóa vốn văn hóa thành vốn kinh tế thông qua các hoạt động du lịch và các ngành CNVH. Vận dụng lý thuyết vốn văn hóa giúp NCS hiểu và phân tích được tác động của DSVH tới quá trình sản xuất, tiêu thụ, phân phối các sản phẩm CNVH, góp phần thúc đẩy sự phát triển KT - XH của các địa phương, trong đó có hai địa bàn nghiên cứu.

1.2.3.2. Lý thuyết kinh tế học di sản

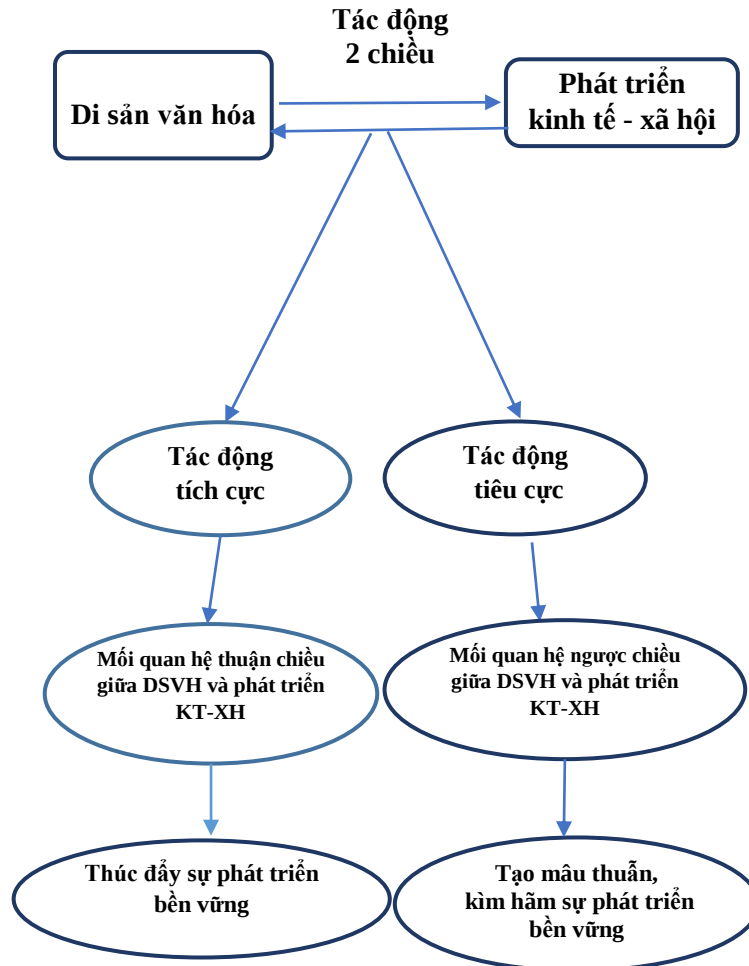
DSVH là đối tượng nghiên cứu và thực hành của kinh tế học di sản với một số công trình tiêu biểu của các tác giả Throsby, Rypkema, Mourato, Hà Hữu Nga..., trong đó phân tích, làm rõ các nội dung cốt lõi của kinh tế học di sản. Liên quan đến lý thuyết này, các nhà nghiên cứu còn đưa ra khái niệm kinh tế di sản trên cơ sở kết hợp giữa kinh tế học và việc quản lý, khai thác di sản để tạo ra

giá trị kinh tế, đồng thời bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa đặc thù của mỗi quốc gia. Đây là một lĩnh vực nghiên cứu liên ngành, trong đó các di sản không chỉ được coi là tài sản cần bảo tồn mà còn là nguồn tài nguyên kinh tế có thể khai thác thông qua du lịch, dịch vụ và các hoạt động kinh tế khác gắn liền với di sản.

1.2.3.3. Khung phân tích của luận án

Khung phân tích có thể được khái quát thông qua sơ đồ sau:

Mối quan hệ giữa di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội



1. 3. Khái quát về địa bàn nghiên cứu

1.3.1. Khu phố cổ Hà Nội

Khu phố cổ Hà Nội là tên gọi để chỉ khu vực đô thị có lịch sử lâu đời, tập trung dân cư của kinh thành Thăng Long xưa, hoạt động buôn bán giao thương, tiểu thủ công nghiệp, nay thuộc phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội (trước ngày 01-7-2025 thuộc quận Hoàn Kiếm cũ), diện tích tự nhiên là 1,93km²; quy mô dân số là 71.280 người (mật độ vào nhóm cao nhất của thành phố). Tính đến thời điểm nghiên cứu của luận án (hết năm 2024), quận Hoàn Kiếm (cũ) có hơn 190 DSVH vật thể đa dạng, phong phú về loại hình với kiến trúc độc đáo cùng các sinh hoạt văn hóa cộng đồng với nhiều lễ hội đặc trưng, tiêu biểu. Trong 20 năm qua, quận Hoàn Kiếm (cũ) và thành phố Hà Nội luôn chú trọng bảo tồn và

phát huy giá trị các DSVH khu phố cổ, xây dựng nhiều sản phẩm du lịch đặc trưng, tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, trong đó có việc xây dựng không gian đi bộ khu phố cổ, quanh hồ Hoàn Kiếm và vùng phụ cận. Tuy nhiên, hoạt động quản lý, bảo tồn DSVH ở khu phố cổ Hà Nội còn một số bất cập, từ đó đặt ra nhiều vấn đề cần xem xét, giải quyết.

1.3.2. Khu phố cổ Hội An

Theo Đề án số 16-ĐA/TU ngày 04-7-2023 của Tỉnh ủy Quảng Nam về “Xây dựng và phát triển Hội An theo định hướng thành phố sinh thái - văn hóa - du lịch đến năm 2030”, khu phố cổ Hội An “là di tích đặc biệt của quốc gia, được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới; là biểu hiện vật thể nổi bật của sự kết hợp các nền văn hóa qua các thời kỳ trong một thương cảng quốc tế và là điển hình tiêu biểu về một cảng thị châu Á truyền thống được bảo tồn một cách hoàn hảo”. Hiện nay, khu phố cổ Hội An (thuộc phường Hội An, thành phố Đà Nẵng) có diện tích 0,3 km², là một tổng thể bao gồm nhiều loại hình di sản cùng tồn tại và được lưu giữ khá toàn vẹn với sự đan xen của các công trình kiến trúc, công trình tôn giáo và công trình sinh hoạt cổ cùng các DSVH phi vật thể đang được cộng đồng gìn giữ và trực tiếp thực hành trong môi trường phố cổ, tạo nên hệ sinh thái DSVH đặc sắc. Thời gian qua, hệ thống DSVH ở khu phố cổ Hội An được quản lý và bảo tồn theo những quy định và hướng dẫn cụ thể của các văn bản quốc tế về quản lý và bảo tồn DSVH; đồng thời phải tuân thủ chặt chẽ các quy định của Luật Di sản văn hóa cùng các văn bản hướng dẫn kèm theo cũng như các quy định riêng cụ thể của địa phương. Hội An đã có nhiều nỗ lực trong việc khai thác những giá trị đặc trưng, riêng có để xây dựng thành những sản phẩm du lịch độc đáo; đưa Hội An trở thành điểm sáng trên bản đồ du lịch Việt Nam và thế giới. Song, những biến đổi khí hậu khó lường và những nhu cầu dân sinh đang đặt ra thách thức lớn cho hoạt động bảo tồn, phát huy các DSVH ở Hội An.

Tiểu kết Chương 1

Trong Chương 1, NCS đã tiến hành tổng quan tình hình nghiên cứu về DSVH, mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH; DSVH, mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An; đồng thời hệ thống các vấn đề lý luận cơ bản; khái quát một số lý thuyết nghiên cứu có liên quan và được vận dụng trong luận án, xây dựng khung phân tích của luận án; trình bày khái quát về hai địa bàn nghiên cứu. Qua đó, NCS có cơ sở khoa học và thực tiễn cho các nghiên cứu ở các chương tiếp theo.

Chương 2

THỰC TRẠNG MỐI QUAN HỆ GIỮA DI SẢN VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở KHU PHỐ CỔ HÀ NỘI VÀ KHU PHỐ CỔ HỘI AN

2.1. Khảo sát mối quan hệ giữa di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội ở hai địa bàn nghiên cứu

2.1.1. Việc ban hành và thực thi chính sách bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa gắn kết với phát triển kinh tế - xã hội của chính quyền và nhân dân ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An

Ở khu phố cổ Hà Nội:

Trong khoảng 10 năm qua, Quận ủy, HĐND, UBND quận Hoàn Kiếm (cũ) đã chủ động, tích cực xây dựng, ban hành và triển khai các đề án, kế hoạch, chương trình về bảo tồn và phát huy hiệu quả giá trị DSVH, tổ chức lễ hội truyền thống, quảng bá DSVH ẩm thực, phát triển du lịch (trong đó có du lịch di sản), phát triển kinh tế ban đêm trên cơ sở khai thác các tiềm năng, lợi thế so sánh về DSVH... Tính đến năm 2024, các chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm đề ra của các chương trình, đề án đã đạt kết quả khá toàn diện. Giá trị DSVH khu phố cổ Hà Nội gắn với du lịch, hoạt động biểu diễn, triển lãm... ngày càng được quảng bá tới đông đảo khách du lịch. Nhận thức của người dân và đại diện chính quyền về cơ bản thống nhất rằng hoạt động bảo tồn, giữ gìn các DSVH đã được chú trọng, nhất là với những di sản liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo, gắn với lịch sử lao động, sáng tạo văn hóa của người dân.

Ở khu phố cổ Hội An:

Thời gian qua, chính quyền và nhân dân Hội An có nhiều quyết tâm, nỗ lực bảo tồn và phát huy giá trị các DSVH - nguồn lực quan trọng trong phát triển bằng những chính sách và hành động thiết thực, cụ thể. Các chủ trương, chính sách của tỉnh Quảng Nam (cũ) và thành phố Hội An (cũ) qua các giai đoạn đều tập trung phát triển Hội An theo định hướng gắn liền với bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống kết tinh ở hệ thống DSVH vật thể và phi vật thể; phát triển Hội An gắn liền với nỗ lực bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn các giá trị văn hóa và tự nhiên, đặc biệt nhấn mạnh cần giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa kế thừa, bảo tồn và phát triển, bản sắc chung và tính đặc thù; lấy sinh thái và văn hóa làm nền tảng, động lực để phát triển KT - XH theo phương châm “bảo tồn để phát triển” và “phát triển để bảo tồn”.

2.1.2. Tác động của di sản văn hóa tới phát triển kinh tế - xã hội tại hai địa bàn nghiên cứu

Thông qua các điều tra xã hội học bằng bảng hỏi và các cuộc phỏng vấn sâu mà NCS thực hiện, cùng với việc phân tích các tài liệu thứ cấp, có thể thấy được

các tác động của DSVH tới quá trình phát triển KT - XH tại hai địa bàn nghiên cứu (cả tích cực và tiêu cực).

** Thứ nhất, DSVH được “vốn hóa”, chuyển dịch thành vốn kinh tế, trở thành nguồn lực quan trọng góp phần thúc đẩy sự phát triển KT - XH tại hai địa bàn nghiên cứu.*

Với khu phố cổ Hà Nội: DSVH được bảo tồn, phát huy giá trị và trở thành “đầu vào” để xây dựng nên hệ thống sản phẩm của các ngành CNVH như sản phẩm du lịch văn hóa, thủ công mỹ nghệ, nghệ thuật biểu diễn, sản phẩm ẩm thực... với sự đan xen giữa cổ kính và hiện đại, tiêu biểu như các tour du lịch di sản; tham quan các di tích lịch sử nổi tiếng và khu phố cổ với các cửa hàng thủ công mỹ nghệ; tham gia các lễ hội, sự kiện văn hóa; thưởng thức nhiều nghệ thuật truyền thống, các sản phẩm ẩm thực truyền thống độc đáo của Hà Nội; các không gian đi bộ (không gian đi bộ khu phố cổ Hà Nội; không gian đi bộ khu vực Hồ Hoàn Kiếm và phụ cận); rời nước Thăng Long, Hàng Trống; tour ẩm thực Tống Duy Tân - Tạ Hiện - Chợ đêm Đồng Xuân; tour “Đêm Hà Nội - Điềm chạm của những xúc cảm”... Nhiều hoạt động hấp dẫn đã diễn ra tại khu phố cổ được ứng dụng nhiều công nghệ mới, tạo nên sức hấp dẫn cho các sản phẩm văn hóa, thể hiện vẻ đẹp và sự phong phú của đêm Hà Nội qua lăng kính của nghệ thuật ngay trong lòng di sản; qua đó góp phần định hình bản sắc văn hóa và thương hiệu Hà Nội - “Thành phố sáng tạo” ở lĩnh vực thiết kế, thúc đẩy sự phát triển KT - XH nói chung và các ngành CNVH của Thủ đô nói riêng (năm 2019, đóng góp của các ngành CNVH Thủ đô là 1,49 tỷ USD, chiếm 3,7% GRDP của thành phố); góp phần quan trọng vào tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn quận Hoàn Kiếm (cũ).

Với khu phố cổ Hội An:

Ngành du lịch/dịch vụ chiếm gần 64% trong tổng cơ cấu kinh tế thành phố Hội An (cũ), được phát triển trên cơ sở phát huy hiệu quả giá trị của hệ thống DSVH vật thể và phi vật thể đặc sắc. Nhiều sản phẩm du lịch độc đáo, hấp dẫn đã được xây dựng dựa trên DSVH, như Lễ hội Tết Nguyên tiêu, Lễ hội tết Trung thu, tour Đêm phố cổ, Phố dành cho người đi bộ, Đêm Hoài Giang, hô hát bài chòi và chơi bài chòi... Nhờ đó, doanh thu ngành du lịch ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong giá trị sản xuất toàn thành phố Hội An (cũ) (67,8% năm 2024), trong đó du lịch văn hóa, du lịch di sản có vị trí quan trọng hàng đầu.

Thứ hai, DSVH góp phần nâng cao chất lượng sống cho người dân, bảo đảm an sinh xã hội, thúc đẩy công tác bảo tồn các nghề thủ công truyền thống của hai địa bàn nghiên cứu.

Với khu phố cổ Hà Nội: DSVH góp phần tạo ra rất nhiều cơ hội việc làm cho người dân khu phố cổ Hà Nội cũng như lan tỏa tới các vùng lân cận, từ các công việc trong ngành du lịch (hướng dẫn viên, nhân viên khách sạn, nhà hàng), đến các công việc như bán hàng, vận tải, nghề thủ công, quản lý di sản... Ngoài

ra, một số phố nghề truyền thống ở khu phố cổ đang được hồi phục và duy trì với các sản phẩm tinh xảo (trên cơ sở tụ hội tinh hoa bốn phương) đã trở thành mặt hàng được ưa chuộng ở trong nước và thế giới, mở ra cơ hội gia tăng thu nhập cho các nghệ nhân và người dân địa phương.

Với khu phố cổ Hội An: DSVH đã và đang mang lại nhiều lợi nhuận cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh ở Hội An, góp phần cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân. Du lịch cùng các ngành thương mại, dịch vụ liên quan đến DSVH đã tạo ra hàng nghìn việc làm cho người dân địa phương với sự đa dạng ngành, nghề, như nhân viên nhà hàng, khách sạn, nhân viên vận tải khách du lịch và hàng hóa, hướng dẫn viên du lịch, các nghệ nhân làm thủ công mỹ nghệ... Với sức hấp dẫn của DSVH mang tầm quốc tế, lượng khách du lịch trong và ngoài nước đến với Hội An có sự phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch COVID-19 và ngày càng tăng, góp phần cải thiện thu nhập cho cộng đồng địa phương.

Thứ ba, DSVH góp phần gia tăng cố kết cộng đồng, tạo cơ sở để giao lưu, hợp tác quốc tế về văn hóa và sáng tạo những giá trị văn hóa mới ở hai địa bàn nghiên cứu.

Với khu phố cổ Hà Nội: Hệ thống DSVH tại khu phố cổ Hà Nội là chứng nhân sống động của quá khứ với những câu chuyện, ký ức của các thế hệ cha ông qua bao thăng trầm của lịch sử, tạo nền tảng vững chắc để kết nối cộng đồng qua nhiều thế kỷ. Các hoạt động bảo tồn và phát huy DSVH thời gian qua đã góp phần tạo ra không gian công cộng, môi trường văn hóa nơi người dân có thể thực hành các sinh hoạt văn hóa, cùng nhau tham gia vào các hoạt động cộng đồng, như các lễ hội, sự kiện văn hóa được tổ chức quanh các di sản lịch sử tại khu phố cổ..., bởi vậy, người dân địa phương cũng như các du khách thập phương được trải nghiệm và gắn kết trong một không gian chung, có thể chia sẻ, học hỏi và cùng nhau tôn vinh những giá trị văn hóa truyền thống. DSVH ở khu phố cổ Hà Nội là một trong những yếu tố góp phần quan trọng trong thúc đẩy các hoạt động giao lưu, hợp tác quốc tế về văn hóa, thúc đẩy sáng tạo những giá trị văn hóa mới.

Với khu phố cổ Hội An: Hội An là nơi lưu giữ, bảo tồn và phát huy hiệu quả giá trị các DSVH. Nhiều loại hình di sản đã và đang có nguy cơ mai một được đầu tư phục hồi, duy trì tốt, lưu giữ những phong tục, tập quán tốt đẹp, từ đó bồi đắp thêm tình yêu và sự gắn bó với quê hương, đất nước trong cộng đồng người dân Hội An. Các làng nghề bảo tồn được cảnh quan, nghề thủ công truyền thống, kho tàng văn nghệ dân gian phong phú, văn hóa ẩm thực đặc sắc..., từ đó được xây dựng thành sản phẩm du lịch hấp dẫn; các lễ hội, sự kiện văn hóa định kỳ được duy trì tổ chức, có sự tham gia của cộng đồng và du khách, qua đó góp phần gia tăng sự cố kết cộng đồng, nâng cao nhận thức, tăng cường trách nhiệm bảo vệ và phát huy giá trị DSVH trong mỗi người dân Hội An cũng như trách nhiệm với DSVH nói chung của du khách khi tới mỗi điểm đến di sản. Với đặc thù thương

cảng sớm, Hội An đã và đang chủ động thiết lập, mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực DSVH, góp phần quảng bá DSVH Hội An và mở ra nhiều cơ hội hợp tác quốc tế trong bảo tồn DSVH.

Tuy nhiên, bên cạnh nhiều tác động tích cực, DSVH cũng có một số tác động tiêu cực, ảnh hưởng tới hoạt động KT - XH ở hai địa bàn nghiên cứu.

Ở khu phố cổ Hà Nội, một số làng nghề, phố nghề còn gây ô nhiễm môi trường sinh thái khi thải ra các chất thải rắn, độc hại, ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống; hiện tượng lấn chiếm vỉa hè của các hộ làm nghề, gây ách tắc giao thông, ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị còn tồn tại; các căn hộ phố cổ đã xuống cấp, không bảo đảm an toàn cho người dân... Ở khu phố cổ Hội An, nhiều hộ dân phải đối mặt với nguy cơ mất an toàn tính mạng khi phải sống trong những ngôi nhà cổ đã xuống cấp nghiêm trọng nhưng không có khả năng sửa chữa, trùng tu do nguồn kinh phí quá lớn lên đến hàng tỷ đồng, vượt quá khả năng của người dân...

2.1.3. Sự tác động của các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội đến di sản văn hóa tại hai địa bàn nghiên cứu

Ở phương diện tích cực:

Thứ nhất, các hoạt động phát triển kinh tế góp phần gia tăng nguồn lực tài chính cho công tác bảo tồn DSVH ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An.

Với khu phố cổ Hà Nội: Sự phát triển của các hoạt động kinh tế, trong đó có sự phát triển của các ngành CNVH, nhất là du lịch văn hóa dựa trên sự khai thác giá trị các DSVH vừa mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp, nâng cao đời sống nhân dân, vừa góp phần tăng thu ngân sách; tạo cơ sở cho việc gia tăng nguồn lực tài chính cho công tác bảo vệ, tu bổ, tôn tạo di sản, cải thiện kết cấu hạ tầng như hệ thống giao thông, không gian công cộng, các công trình phục vụ du lịch; phát triển các dự án bảo tồn di sản, tái đầu tư một phần vào việc tìm kiếm, lưu trữ, lập kế hoạch và bảo tồn, phát huy bền vững giá trị các DSVH. Thống kê của UBND quận Hoàn Kiếm (cũ) cho thấy, năm 2024, tổng mức doanh thu ngành thương mại - dịch vụ tăng 14,6% (đạt 100,3% so với kế hoạch năm 2024); trong đó doanh thu ngành thương mại tăng 14,3%; doanh thu lưu trú - ăn uống tăng 66,2%; doanh thu du lịch tăng 48,5%; doanh thu ngành dịch vụ khác tăng 8,1%. Các hoạt động kinh tế, nhất là thương mại, dịch vụ, du lịch không chỉ mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp, mà còn tạo thêm nhiều việc làm, cải thiện sinh kế, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và có thêm nguồn tài chính cho công tác bảo tồn DSVH.

Với khu phố cổ Hội An:

Hội An được đánh giá là một trong những hình mẫu về bảo tồn và phát huy giá trị DSVH thông qua sự phát triển kinh tế, nhất là hoạt động du lịch, dịch vụ, thương mại nhờ sự đồng thuận, chung tay của cộng đồng người dân, doanh nghiệp và chính quyền địa phương. Thời điểm sau khi được công nhận là DSVH thế giới, nhiều ngôi nhà cổ đã xuống cấp, chính quyền và người dân Hội An đã

nhận thấy được giá trị lớn lao của những DSVH và cùng nỗ lực, chung sức giữ gìn để không phá vỡ cấu trúc khu di sản, đồng thời phát triển du lịch di sản, nhằm vừa nâng cao đời sống người dân vừa tạo ra nguồn kinh phí để tôn tạo, trùng tu các di tích. Thành phố Hội An (cũ) đã huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ các hoạt động kinh tế, nhất là du lịch, thương mại, các dịch vụ ăn uống, lưu trú; các nguồn ngân sách Trung ương, địa phương, nguồn lực xã hội từ người dân, doanh nghiệp, các tổ chức trong nước và quốc tế để bảo tồn, phát huy các DSVH, cải thiện kết cấu hạ tầng, cải tạo các công trình cổ, xây dựng các không gian văn hóa phục vụ du khách và người dân. Nguồn thu từ vé tham quan đang là nguồn thu ngân sách chủ yếu của Hội An và khoảng 50% - 70% trong số này được dùng để tu bổ, tôn tạo các di tích cũng như để hỗ trợ trùng tu đối với di tích tập thể, tư nhân.

Thứ hai, hoạt động phát triển kinh tế góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng về DSVH, giúp tăng cường quảng bá, mở rộng cơ hội hợp tác quốc tế và nâng tầm DSVH khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An.

Với khu phố cổ Hà Nội: Sự phát triển của các hoạt động kinh tế, nhất là hoạt động du lịch trên cơ sở phát huy giá trị DSVH của khu phố cổ Hà Nội giúp nâng cao nhận thức của cộng đồng, bồi đắp thêm niềm tự hào về di sản văn hóa của “Hà Nội - 36 phố phường”; từ đó thúc đẩy sự tự giác, tự nguyện, trách nhiệm bảo vệ DSVH ở mỗi người dân. Sự phát triển các ngành CNVH giúp nâng tầm di sản, đưa DSVH đến gần hơn với cộng đồng quốc tế.

Với khu phố cổ Hội An: Thông qua nhiều hoạt động như kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ẩm thực, vận chuyển khách, sản xuất và buôn bán các sản phẩm thủ công mỹ nghệ..., người dân Hội An có nhiều cơ hội tiếp xúc hơn với khách du lịch trong và ngoài nước. Để đáp ứng các nhu cầu của khách du lịch, mỗi người dân phải chú trọng tới chất lượng các sản phẩm và dịch vụ (như các món ăn, sản phẩm thủ công truyền thống như tò he, đèn trang trí nhà, bình lọ, tranh gốm, tranh khắc gỗ, tượng gỗ, đồ gia dụng bằng gỗ, đèn lồng Hội An...), đồng thời mỗi người dân trở thành những “đại sứ văn hóa”, lan tỏa nét đẹp của văn hóa Hội An. Nhờ có du lịch, các hoạt động giao lưu văn hóa mà các DSVH Hội An được đông đảo du khách trong và ngoài nước biết tới, được lan tỏa rộng rãi và được nâng tầm giá trị. Người dân địa phương cũng nhờ vậy mà nâng cao ý thức bảo vệ, kế thừa và phát huy các giá trị DSVH.

Thứ ba, các hoạt động kinh tế - xã hội ở khu phố cổ góp phần giữ gìn các DSVH, tăng cường gắn kết cộng đồng và thúc đẩy ý thức bảo tồn DSVH địa phương.

Với khu phố cổ Hà Nội: Các hoạt động kinh tế, thương mại, dịch vụ và sinh hoạt văn hóa có những tác động tích cực đến hệ thống DSVH ở khu phố cổ Hà Nội, nhất là đối với DSVH phi vật thể. Nhiều phong tục, tập quán, lễ hội, nghệ

thuật biểu diễn dân gian... của người dân Hà Nội - Kẻ Chợ xưa kia gắn với 36 phố phường giao thương nhộn nhịp, sầm uất gắn với phố nghề và nghề thủ công từ mọi miền tụ hội hiện còn được lưu giữ trong những sinh hoạt văn hóa của người dân Hoàn Kiếm. Các lễ hội truyền thống của người Hà Nội cùng nhiều sinh hoạt văn hóa, nghi lễ, tập tục, thói quen... đã trở thành nét đặc trưng của người dân, được giữ gìn qua các thế hệ; từ đó tiếp tục gắn kết mỗi người dân Thăng Long xưa trong một cộng đồng cộng cảm, cộng mệnh tới ngày nay. Điều này tạo ra một môi trường bảo tồn mạnh mẽ, nơi người dân tham gia trực tiếp vào việc duy trì các giá trị của DSVH.

Với khu phố cổ Hội An: Các thế hệ người dân Hội An đã sống cùng di sản, sống trong di sản, gắn bó và có ý thức giữ gìn di sản bằng chính việc duy trì các phong tục, tập quán, nghi lễ, lễ hội, nghệ thuật dân gian, trò chơi dân gian,... qua nhiều thế kỷ. Đây là những hoạt động không thể thiếu trong đời sống của người dân, đồng thời là yếu tố quan trọng để du khách hiểu và cảm nhận sâu sắc về DSVH của Hội An. Qua đó, tình yêu, sự trân trọng với DSVH, tinh thần cố kết cộng đồng không ngừng nuôi dưỡng, bồi đắp, góp phần tạo nên hồn cốt của khu phố cổ Hội An với sự giao thoa văn hóa Đông - Tây độc đáo. Các nghề thủ công làm đèn lồng, dệt vải, gốm sứ, chế tác đồ gỗ... vẫn được duy trì và phát triển trong đời sống dân sinh ở Hội An, vừa là hoạt động kinh tế, vừa là phương thức bảo tồn các kỹ thuật, tri thức dân gian qua các thế hệ.

Ở phương diện tiêu cực:

Với khu phố cổ Hà Nội: Quá trình đô thị hóa mạnh mẽ và sự phát triển nhanh chóng của các hoạt động dân sinh trong khu phố cổ Hà Nội đang gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường, đe dọa tính xác thực và bền vững của các DSVH. *Với khu phố cổ Hội An:* Hoạt động du lịch đại trà và hoạt động dân sinh đang gia tăng áp lực lên các DSVH và môi trường sống ở Hội An. Tốc độ gia tăng dân số cơ học khá cao, lượng khách du lịch ngày càng lớn, dẫn đến tình trạng quá tải ở các điểm du lịch nổi tiếng; gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến cảnh quan và giá trị thẩm mỹ của khu phố cổ Hội An; dẫn tới nguy cơ mất dần tính chân xác của các DSVH, làm thay đổi nếp sống trong cộng đồng, dẫn tới tình trạng mai một các giá trị văn hóa truyền thống.

2.2. So sánh hai địa bàn nghiên cứu

2.2.1. Điểm tương đồng

Hai địa bàn nghiên cứu cùng giữ vai trò là những trung tâm DSVH và ngày càng chú trọng hơn công tác bảo tồn DSVH, coi DSVH là nguồn lực quan trọng cho phát triển KT - XH, nhất là trong phát triển du lịch, các ngành CNVH cùng các hoạt động dịch vụ, thương mại có liên quan.

2.2.2. Điểm khác biệt

Khu phố cổ Hà Nội có hệ thống DSVH nằm giữa lòng đô thị hiện đại - nơi

DSVH tồn tại đan xen với các hoạt động hành chính, thương mại và giao thông sôi động, do vậy cần chú trọng sự kết hợp giữa di sản cổ và hiện đại trong môi trường đô thị lớn gắn với mô hình phát triển dịch vụ, thương mại kết hợp văn hóa. Khu phố cổ Hội An giữ được một tổng thể kiến trúc đồng bộ, bảo tồn một không gian văn hóa nguyên vẹn với các phương pháp bảo tồn nghiêm ngặt và phát triển du lịch bền vững. Điểm nổi bật của khu phố cổ Hà Nội là bài toán “bảo tồn trong lòng phát triển”, khu phố cổ Hội An là ví dụ điển hình cho việc “giữ nguyên bản sắc để phát triển du lịch bền vững”. Sự khác biệt trong quy mô đô thị, định hướng quản lý và chiến lược phát triển đã dẫn đến những đặc trưng riêng trong việc bảo tồn và phát huy giá trị DSVH trong quá trình phát triển KT - XH của mỗi địa phương.

Tiểu kết Chương 2

Các nội dung cơ bản được NCS trình bày trong chương 2 là: khảo sát thực trạng mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở hai địa bàn nghiên cứu thông qua việc phân tích các tác động đa chiều qua lại của DSVH và sự phát triển KT - XH trên cả hai phương diện tích cực và tiêu cực để nhận định về tính thuận chiều và nghịch chiều của mối quan hệ trên; từ đó so sánh để rút qua những điểm giống và khác nhau giữa khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An, chỉ ra những vấn đề cần quan tâm nghiên cứu, tạo cơ sở cho những bàn luận mở rộng các vấn đề liên quan ở chương tiếp theo.

Chương 3:

BÀN LUẬN MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA DI SẢN VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở KHU PHỐ CỔ HÀ NỘI VÀ KHU PHỐ CỔ HỘI AN

3.1. Tác động của quá trình hội nhập quốc tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa tới mối quan hệ giữa di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội

3.1.1. Hội nhập quốc tế - cơ hội và thách thức đặt ra đối với vấn đề bảo tồn, phát huy di sản văn hóa và giữ gìn bản sắc dân tộc

Hiện nay, quá trình hội nhập quốc tế ngày càng diễn ra mạnh mẽ, trở thành một xu thế tất yếu, có sức ảnh hưởng và tác động sâu rộng đến nhiều lĩnh vực, trong đó có DSVH. Hội nhập quốc tế giúp quảng bá DSVH ở Việt Nam nói chung và hai địa bàn nghiên cứu nói riêng ra thế giới, nâng cao vị thế của quốc gia trên trường quốc tế; tạo điều kiện tiếp cận các nguồn lực tài chính, kỹ thuật và chuyên môn quốc tế trong công tác bảo tồn di sản; góp phần thúc đẩy giao lưu văn hóa, đối thoại văn hóa và đa dạng hóa cách tiếp cận di sản; thúc đẩy các quốc gia hoàn thiện hệ thống pháp luật và chính sách văn hóa theo hướng phù hợp với

chuẩn mực quốc tế; đồng thời giúp cộng đồng địa phương có nhiều cơ hội được hưởng lợi từ di sản, nhất là thông qua du lịch văn hóa khi di sản trở thành nguồn lực để xây dựng các sản phẩm và dịch vụ văn hóa đặc sắc, trở thành những điểm đến hấp dẫn du khách từ khắp nơi trên thế giới.

Tuy nhiên, hội nhập quốc tế cũng đặt ra thách thức không nhỏ đối với DSVH, trong đó nguy cơ lớn nhất là mất bản sắc văn hóa dân tộc khi văn hóa có nguy cơ bị “lai căng”, phai nhạt bản sắc trước sự “tấn công dữ dội” của các sản phẩm văn hóa đến từ những nước phát triển có sức mạnh và khả năng bành trướng văn hóa khắp toàn cầu. Ngôn ngữ - yếu tố quan trọng nhất của văn hóa, cũng là một loại hình DSVH phi vật thể vô cùng quan trọng đã và đang gặp nhiều thách thức trong quá trình hội nhập quốc tế khi hiện nay tiếng Anh trở thành ngôn ngữ giao tiếp quốc tế. Bên cạnh đó, hiện tượng thương mại hóa DSVH quá mức để trục lợi dẫn tới tình trạng xâm hại giá trị cốt lõi và đe dọa tính bền vững của di sản. Hội nhập quốc tế kéo theo sự gia tăng du khách quốc tế tại các điểm đến di sản cũng tạo áp lực lớn lên kết cấu hạ tầng, gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến không gian di sản. Nhiều mặt phản văn hóa cũng dễ dàng vượt qua biên giới quốc gia để thâm nhập vào nước ta, tạo ra trong lòng xã hội trào lưu quay lưng lại với các giá trị truyền thống. Do vậy, để ứng phó với các nguy cơ từ hội nhập quốc tế, việc đề cao bản sắc văn hóa dân tộc, giữ gìn và phát huy giá trị DSVH, đấu tranh chống khuynh hướng đồng hóa về văn hóa, đồng thời chọn lọc tiếp thu các giá trị tinh hoa văn hóa của nhân loại đang trở nên bức thiết hơn bao giờ.

3.1.2. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và vấn đề bảo đảm tính xác thực và giá trị của di sản văn hóa

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là tiến trình tất yếu trong sự phát triển của mọi quốc gia. Quá trình này đã làm biến đổi sâu sắc xã hội trên nhiều mặt, trong đó có văn hóa và nhất là DSVH - vốn mang tính “nhạy cảm, dễ bị tổn thương” với những biến đổi không gian, thời gian, lối sống... Công nghiệp hóa, hiện đại hóa có tác động nhiều mặt, có thể thúc đẩy tính thuận chiều hoặc tính nghịch chiều của mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH thông qua những tác động tích cực và tác động tiêu cực tới hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị các DSVH.

Về tác động tích cực, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa thúc đẩy các nghiên cứu khoa học, nâng cao nhận thức xã hội về giá trị và vai trò của DSVH - một nguồn lực, động lực quan trọng của sự phát triển, có thể chuyển hóa thành đầu vào của quá trình sản xuất để tạo ra những sản phẩm của các ngành CNVH giàu giá trị. Cùng với công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự ra đời của nhiều công nghệ hiện đại, góp phần quan trọng trong việc hỗ trợ phổ biến, truyền thông, quảng bá về các DSVH với nền tảng số như bảo tàng ảo, video tư liệu, tour 360 độ, AI phục dựng..., đặc biệt với di sản đang bị xuống cấp, có nguy cơ mất mát

hoặc không thể tiếp cận thường xuyên hay các DSVH phi vật thể cần được ghi lại, bảo lưu; từ đó góp phần đưa di sản đến gần hơn với đông đảo công chúng, nhất là thế hệ trẻ. Khung pháp lý và thể chế được củng cố nhờ hiện đại hóa quản trị với sự phát triển của nhà nước pháp quyền và hệ thống quản trị minh bạch hơn, thúc đẩy việc luật hóa quyền bảo vệ và khai thác DSVH. Kết cấu hạ tầng được hiện đại hóa giúp việc tiếp cận DSVH trở nên dễ dàng hơn, mở rộng không gian tiếp xúc và lan tỏa văn hóa, giúp di sản trở thành điểm đến du lịch, tạo việc làm cho cộng đồng địa phương, góp phần gia tăng giá trị kinh tế, nâng cao thêm năng lực cho bảo tồn DSVH.

Về tác động tiêu cực, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa với đô thị hóa và phát triển hạ tầng nếu thiếu định hướng sẽ gây tổn thương, mai một, xâm hại và làm mất đi tính xác thực của DSVH. Không gian sống động của một số cộng đồng ở làng nghề thủ công đang dần bị “bê tông hóa”; lễ hội, tín ngưỡng dân gian bị thương mại hóa nên dần mất đi chiều sâu, bối cảnh và tính linh thiêng, khiến giá trị văn hóa gốc ngày càng phai nhạt. Công nghiệp hóa làm biến đổi sâu sắc lối sống và cấu trúc cộng đồng - những nền tảng xã hội giữ gìn và tái sản xuất di sản; làm phát sinh những bất bình đẳng trong việc tiếp cận, khai thác và thụ hưởng di sản; gây ra sự suy giảm môi trường sinh thái - nền tảng tự nhiên gắn bó mật thiết với nhiều loại hình DSVH.

Hai địa bàn nghiên cứu đều là những đô thị có lịch sử hình thành và phát triển lâu dài, hội tụ những tinh hoa văn hóa từ nhiều vùng, miền, vừa mang tính đa dạng vừa mang tính độc đáo với hệ thống DSVH rất phong phú, đặc sắc, có thể trở thành nguồn lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển KT - XH của địa phương cũng như cả nước. Song đây cũng là những đô thị tập trung đông dân cư có mật độ dân số cao với quá trình hiện đại hóa, đô thị hóa diễn ra nhanh và tác động nhiều chiều tới DSVH.

3.2. Tác động của chuyển đổi số tới mối quan hệ giữa di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội

Hiện nay, trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, chuyển đổi số trở thành một xu thế tất yếu trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có DSVH, giúp tái định hình cách thức tiếp cận, bảo tồn, quảng bá DSVH hiệu quả, sáng tạo và bền vững hơn.

Về tác động tích cực, chuyển đổi số mở ra một không gian rộng lớn để di sản được lưu giữ, có thể “sống” lại, lan tỏa và hội nhập, vượt qua các ranh giới về không gian, thời gian và ngôn ngữ, để người dân, đặc biệt là thế hệ trẻ, có thể dễ dàng, thuận tiện tiếp cận mọi lúc mọi nơi, tăng cường sự gắn kết và tự hào dân tộc. Việc đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực DSVH giúp thúc đẩy sáng tạo văn hóa, góp phần chuyển hóa giá trị văn hóa thành giá trị kinh tế, thúc đẩy các ngành CNVH phát triển với nhiều sản phẩm và dịch vụ sáng tạo, hấp dẫn, giàu

giá trị thông qua việc ứng dụng công nghệ AI, blockchain, AR/VR...; từ đó, tăng thu nhập từ du lịch văn hóa, góp phần phát triển kinh tế địa phương; hình thành các ngành, nghề mới như thiết kế nội dung số, lập trình ứng dụng di sản, quản trị dữ liệu văn hóa...; thu hút giới trẻ tham gia vào các hoạt động khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực văn hóa; tạo cơ hội kinh tế, giáo dục và phát triển xã hội tại các địa phương còn khó khăn.

Về tác động tiêu cực, việc tái hiện di sản qua công nghệ đôi khi không phản ánh đúng bản chất văn hóa, dễ gây ra hiện tượng “sân khấu hóa di sản” một cách tràn lan, biến di sản thành sản phẩm trình diễn, tách rời khỏi bối cảnh văn hóa gốc; dẫn tới tình trạng mất đi tính nguyên gốc, mất tính độc bản. Sự sao chép, chỉnh sửa hoặc việc thêm các hiệu ứng kỹ thuật số có khi được thực hiện một cách tùy tiện trên môi trường số có thể làm thay đổi nội dung, hình thức di sản, gây biến dạng di sản. Tình trạng “bất bình đẳng số” có xu hướng gia tăng bởi những người dân, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa - nơi lưu giữ nhiều giá trị văn hóa độc đáo - thường là nhóm có ít điều kiện tiếp cận công nghệ, dẫn đến nguy cơ mất cân bằng trong phân phối và quản lý tri thức văn hóa số, gây nên khoảng cách số. Đặc biệt, những rủi ro an ninh mạng và việc vi phạm bản quyền DSVH là vấn nạn đáng báo động khi thực hiện chuyển đổi số. Việc số hóa di sản dễ dẫn đến tình trạng bị sao chép, sử dụng trái phép, mất quyền kiểm soát tài sản văn hóa, dễ dẫn đến tranh chấp, xâm phạm tài sản văn hóa khi thực tế còn nhiều khoảng trống pháp lý về vấn đề bản quyền, quyền sở hữu trí tuệ đối với di sản số hiện nay. Từ đó, đặt ra vấn đề với hai địa bàn nghiên cứu là cần được thực hiện quá trình chuyển đổi số một cách có chọn lọc, khoa học và gắn với thực hành văn hóa cộng đồng, vừa bảo vệ giá trị của DSVH, bảo vệ bản quyền các di sản số, vừa đáp ứng nhu cầu tương tác, tiếp cận và phát triển các ngành CNVH theo hướng bền vững.

3.3. “Nhà nước - thị trường - xã hội” với việc xử lý hài hòa mối quan hệ giữa di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội

Trong sự nghiệp đổi mới đất nước, Đảng ta luôn khẳng định: xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng; đồng thời ngày càng đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa, phát triển thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hóa...; dần xác lập tư duy mới về mối quan hệ giữa Nhà nước - thị trường - xã hội trong việc quản lý và phát triển DSVH.

Bộ ba “Nhà nước - thị trường - xã hội” có mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau trong quá trình gắn kết DSVH và phát triển KT - XH. Nhà nước quản lý và điều hành các hoạt động về DSVH; các doanh nghiệp gắn với thị trường góp phần đưa di sản trở thành nguồn lực được khai thác với nhiều giá trị; cộng đồng là những người sáng tạo, trực tiếp thực hành di sản, gắn bó chặt chẽ với di sản; nhà khoa học nghiên cứu đưa ra cơ sở để tham vấn chính sách cho Nhà

nước theo hướng phù hợp với thực tiễn. Do vậy, cần có sự phối hợp đồng bộ giữa Nhà nước - thị trường - xã hội nhằm xử lý hài hòa mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH để hạn chế những tác động tiêu cực của hai đối tượng trên.

Bộ ba “Nhà nước - thị trường - xã hội” có vai trò quan trọng trong điều tiết mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở hai địa bàn nghiên cứu. Hiện nay, cả hai địa bàn nghiên cứu đều đang đứng trước những cơ hội và thách thức, khó khăn trong bảo tồn và phát huy giá trị DSVH trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Với khu phố cổ Hà Nội: Mô hình chính quyền địa phương hai cấp tạo ra cơ hội cho chính quyền địa phương quản lý, điều chỉnh các chiến lược bảo tồn và phát huy DSVH theo nhu cầu và đặc thù của từng khu vực cụ thể; qua đó giúp các hoạt động liên quan tới DSVH gắn gũi hơn với cộng đồng, các quyết định về bảo tồn có thể được đưa ra nhanh chóng và linh hoạt hơn; tạo cơ hội để cộng đồng tham gia nhiều hơn vào công tác bảo vệ, tôn tạo, khai thác DSVH; song cũng có thể dẫn đến sự thiếu đồng bộ trong các chiến lược quản lý di sản vì mỗi phường có thể có các ưu tiên và chiến lược khác nhau; khó khăn trong phối hợp giữa các phường và các cơ quan chức năng, khó khăn trong nguồn lực cho bảo tồn DSVH.

Với khu phố cổ Hội An: Sau gần 20 năm xây dựng thương hiệu thành phố du lịch nổi tiếng trong nước và quốc tế, Hội An không còn tồn tại với tư cách thành phố - một đơn vị hành chính cấp huyện. Việc sáp nhập trên là chủ trương lớn, tạo đột phá về bộ máy và không gian phát triển, mang lại cơ hội tăng cường nguồn lực, bổ trợ lẫn nhau trong công tác bảo tồn DSVH ở Hội An, đồng thời giúp cho các hoạt động liên quan DSVH trở nên gắn gũi hơn và được triển khai nhanh chóng hơn tới cộng đồng. Tuy nhiên, việc chia tách thành phố Hội An thành các phường và thay đổi về danh xưng trên có những ảnh hưởng đáng kể đến thương hiệu điểm đến du lịch đã được khẳng định và bản sắc văn hóa độc đáo của Hội An sau nhiều thế kỷ hình thành và phát triển, không chỉ gây khó khăn trong giao dịch quốc tế, mà còn tác động đến tâm tư, tình cảm của cộng đồng cư dân phố cổ Hội An. Việc giao chức năng quản lý DSVH cho một phường có thể không bảo đảm nguồn lực và chuyên môn cần thiết để giữ gìn, phát huy giá trị các DSVH này. Trong khi Hội An vừa được ghi danh vào mạng lưới UCCN, việc tiếp tục thực hành sáng tạo trong phạm vi 3 phường, một xã hay chỉ một phường trung tâm cũng đặt ra nhiều khó khăn. Việc Hội An không còn là thành phố trực thuộc tỉnh có thể ảnh hưởng đến công tác quản lý khu phố cổ (thuộc phường Hội An) khi việc đầu tư hạ tầng vốn trước đây do thành phố Hội An (cũ) thực hiện, bảo đảm sự khớp nối giữa các xã, phường; nếu sau này mỗi phường tự triển khai theo cách riêng sẽ dễ dẫn tới sự thiếu sự đồng bộ. Do vậy, trong bối cảnh mới, cả thành phố Hà Nội và phường Hoàn Kiếm cũng như thành phố Đà Nẵng và phường Hội An cần có những điều chỉnh cơ chế, chính sách phù hợp, phối hợp

đồng bộ giữa các cơ quan quản lý nhà nước với các doanh nghiệp và cộng đồng địa phương, các tổ chức xã hội (bộ ba “Nhà nước - thị trường - xã hội”) để nâng cao hiệu quả bảo tồn, phát huy giá trị DSVH, qua đó góp phần thúc đẩy sự phát triển KT - XH.

Tiểu kết Chương 3

Hiện nay, bối cảnh mới với nhiều thời cơ và thách thức đan xen đang đặt ra những yêu cầu mới, đòi hỏi cần có những hành động cụ thể, phù hợp để bảo đảm cân bằng, hài hòa giữa DSVH và phát triển KT - XH. Trong chương 3, NCS đã bàn luận một số vấn đề có liên quan tới mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH: 1- Quá trình hội nhập quốc tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa và vấn đề bảo đảm tính xác thực và giá trị của DSVH; 2- Chuyển đổi số và những vấn đề mới đặt ra hiện nay; 3- Bộ ba “Nhà nước - thị trường - xã hội” với việc xử lý hài hòa mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH; từ đó đề xuất một số kiến nghị với thành phố Hà Nội, thành phố Đà Nẵng, phường Hoàn Kiếm (mới) và phường Hội An (mới) trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị của DSVH gắn kết với phát triển KT - XH.

KẾT LUẬN

1. Trong quá trình đổi mới đất nước, Đảng và Nhà nước ta luôn chú trọng nhiệm vụ nắm vững và xử lý tốt mối quan hệ giữa xây dựng, phát triển văn hóa và phát triển KT - XH, trong đó có mối quan hệ giữa bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống - kết tinh ở hệ thống DSVH phong phú, đa dạng, độc đáo và phát triển KT - XH. Bởi chính hệ thống DSVH đó có thể là nguồn tài nguyên được “vốn hóa”, không chỉ là tài sản quý báu của dân tộc, mà còn trở thành nguồn lực để phát triển các ngành CNVH, qua đó vừa góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, vừa thúc đẩy KT - XH phát triển. Song, mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH không chỉ thuận chiều với các tác động tích cực của hai đối tượng trên mà còn tồn tại một số hạn chế do những tác động tiêu cực từ mặt trái của các hoạt động KT - XH tới DSVH; từ đó đặt ra những vấn đề cần giải quyết. Vì vậy, bảo đảm sự cân bằng, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH là một vấn đề mang tính quy luật và cũng là một trong những yêu cầu cấp thiết được đặt ra hiện nay.

2. Từ những cơ sở khoa học và thực tiễn đã được làm rõ, luận án tập trung phân tích mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An thông qua 3 chương. Ở chương 1, NCS đã tiến hành tổng quan tình hình nghiên cứu; hệ thống các vấn đề lý luận cơ bản; phân tích khái quát một số lý thuyết nghiên cứu được vận dụng trong luận án; xây dựng khung

phân tích của luận án; khái quát về hai địa bàn nghiên cứu. Ở chương 2, thông qua nghiên cứu các tài liệu thứ cấp và xử lý, phân tích kết quả điều tra xã hội học tại hai địa bàn, NCS đã khảo sát thực trạng và phân tích các tác động đa chiều, qua lại của DSVH và phát triển KT - XH trên cả phương diện tích cực tạo nên tính thuận chiều và phương diện tiêu cực, tạo nên tính nghịch chiều của mối quan hệ trên; so sánh điểm tương đồng và khác biệt giữa hai địa bàn. Ở chương 3, NCS thực hiện bàn luận mở rộng một số vấn đề liên quan như: quá trình hội nhập quốc tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa, chuyển đổi số, bộ ba “Nhà nước - thị trường - xã hội” với việc xử lý hài hòa mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH. Luận án cũng chỉ ra những cơ hội và thách thức đặt ra với hai địa bàn nghiên cứu trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, từ đó đưa ra một số khuyến nghị chính sách nhằm vừa góp phần bảo đảm lợi ích chính đáng của cộng đồng và doanh nghiệp, vừa định vị thương hiệu và củng cố bản sắc địa phương, tiếp tục bồi đắp chiều sâu văn hóa của khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An.

3. Các kết quả nghiên cứu của luận án về cơ bản đã trả lời được các câu hỏi và làm khá rõ các giả thuyết nghiên cứu được đặt ra. Song, trước những biến đổi nhanh chóng và khó dự báo của tình hình thế giới cùng các thách thức an ninh phi truyền thống hiện nay, cần có các nghiên cứu tiếp theo về việc xây dựng chiến lược phát triển bền vững tại các khu vực có DSVH; hoặc cần nghiên cứu sâu hơn về các mô hình quản trị di sản hiệu quả... Chính quyền, cộng đồng và doanh nghiệp cần nỗ lực hợp tác để xây dựng, duy trì hiệu quả các mô hình phát triển bền vững, trong đó DSVH không chỉ là nguồn lực chính, đóng góp quan trọng vào sự phát triển KT - XH, giúp nâng cao đời sống cộng đồng, mà còn được giữ gìn, kế thừa và tạo cơ sở cho việc tiếp tục sáng tạo những giá trị văn hóa lâu bền cho tương lai, để DSVH liên tục được phát triển trong sự tiếp nối; góp phần lan tỏa và quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới, củng cố sức mạnh mềm văn hóa quốc gia trong kỷ nguyên mới./.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Đinh Thị Hương Giang (2025), “Thực trạng bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa ở Hội An hiện nay và những vấn đề đặt ra”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật* số 602 (4-2025), tr.27-31, chỉ số ISSN 0866-8655.
2. Đinh Thị Hương Giang (2025), “Khai thác hiệu quả các di sản văn hóa của thành phố Hà Nội theo Luật Thủ đô”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật* số 596 (2-2025), tr.25-29, chỉ số ISSN 0866-8655.
3. Đinh Thị Hương Giang (2024), “Một số vấn đề trong phát triển nhận thức lý luận của Đảng về bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển kinh tế - xã hội qua gần 40 năm đổi mới”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 24-10-2024, chỉ số ISSN 2734-9071.
4. Đinh Thị Hương Giang (2024), “Phát huy giá trị di sản văn hóa khu phố cổ (quận Hoàn Kiếm) trong phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 15-9-2024, chỉ số ISSN 2734-9071.
5. Đinh Thị Hương Giang (2024), “Nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hóa thành phố Hà Nội trong thời kỳ mới”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 2-9-2024, chỉ số ISSN 2734-9071.
6. Đinh Thị Hương Giang (bút danh Đinh Giang) (2023), “Bảo đảm hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô Hà Nội”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 22-7-2023, chỉ số ISSN 2734-9071.
7. Đinh Thị Hương Giang (2023), “Quan điểm về xây dựng văn hóa trong bài viết “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng”, *Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa và Phát triển* số 3 (6-2023), tr.12-16, chỉ số ISSN 2815-5963.
8. Đinh Thị Hương Giang (2021), “Bảo đảm tính thống nhất trong đa dạng của văn hóa Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản* số 968 (6-2021), tr.75-83, chỉ số ISSN 2734-9063.
9. Đinh Thị Hương Giang (2020), “Một số cơ chế phát huy hệ giá trị văn hóa Việt Nam trong thời kỳ mới”, *Tạp chí Cộng sản* số 955 (12-2020), tr.67-77, chỉ số ISSN 2734-9063